

## LỚP THÚ (LỚP CÓ VÚ)

### A – BÀI TẬP CÓ LỜI GIẢI

#### Bài 1. Hãy nêu đặc điểm đời sống và sinh sản của thỏ.

##### ■ Lời giải :

Thỏ có tập tính sống ẩn náu trong hang, bụi rậm để lẩn trốn kẻ thù. Thỏ kiếm ăn chủ yếu về buổi chiều hay ban đêm, ăn cỏ, lá bằng cách gặm nhấm (gặm từng mảnh nhỏ) ; là động vật hằng nhiệt.

Thỏ đực có cơ quan giao phối, sự thụ tinh xảy ra trong cơ quan sinh sản của thỏ cái. Trứng thụ tinh phát triển thành phôi và thai được nuôi dưỡng bởi chất dinh dưỡng của mẹ qua bộ phận nhau thai, tại đây các chất dinh dưỡng từ cơ thể mẹ vào phôi và các chất bài tiết từ phôi được chuyển sang cơ thể mẹ để thải ra ngoài. Hiện tượng đẻ con có nhau thai được gọi là hiện tượng thai sinh, từ khi thỏ mẹ mang thai đến khi đẻ con là 30 ngày. Thỏ con mới đẻ chưa có lông, chưa mở mắt, được bú sữa mẹ.

#### Bài 2. Hãy điền các thông tin phù hợp vào các ô trống trong bảng đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù

Bộ phận cơ thể	Đặc điểm cấu tạo ngoài	Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù
Bộ lông		
Chi (có vuốt) + Chi trước + Chi sau		
Giác quan + Mũi + Lông xúc giác + Tai + Vành tai		

■ Lời giải :

Bộ phận cơ thể	Đặc điểm cấu tạo ngoài	Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù
Bộ lông	Là lông mao dày, xốp	Giữ nhiệt tốt và giúp thỏ an toàn khi lẩn trốn trong bụi rậm
Chi (có vuốt)	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chi trước</li> <li>- Ngắn, kém phát triển hơn hai chi sau</li> <li>+ Chi sau</li> <li>- Dài khoẻ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào hang và di chuyển</li> <li>- Bật nhảy được xa giúp chạy nhanh khi bị săn đuổi</li> </ul>
Giác quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mũi và lông xúc giác</li> <li>- Thính, lông xúc giác có cảm giác và xúc giác nhanh nhạy</li> <li>+ Tai và vành tai</li> <li>- Tai thính, vành tai lớn dài cử động được về các phía</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thăm dò thức ăn, môi trường, phát hiện kẻ thù</li> <li>- Định hướng âm thanh, phát hiện kẻ thù sớm</li> </ul>

**Bài 3. Nêu đặc điểm hệ cơ – xương của thỏ.**

■ Lời giải :

- Xương thỏ gồm
  - + Xương đầu có hộp sọ và các xương hàm.
  - + Xương thân có : cột sống do các đốt xương sống khớp lại chia làm 5 đoạn : cổ, ngực, thắt lưng, chậu và đuôi ; lồng ngực do các xương sườn, các đốt sống ngực và xương mỏ ác hợp lại.
  - + Xương chi ở mỗi phần chi trước, chi sau đều có phần đai và phần tự do của chi.
- Cơ : phát triển nhất là các cơ chi sau và các cơ vận động đốt sống, có cơ hoành và các cơ liên sườn.

**Bài 4. Hãy điền các thông tin phù hợp vào các ô trống trong bảng thành phần của các hệ cơ quan sau :**

Hệ cơ quan	Các thành phần
Tuân hoàn	
Hô hấp	
Tiêu hoá	

Bài tiết	
Thần kinh	
Sinh sản	

■ **Lời giải :**

Hệ cơ quan	Các thành phần
Tuần hoàn	Tim 4 ngăn hoàn chỉnh, 2 vòng tuần hoàn
Hô hấp	Có khí quản, phế quản, phổi. Phổi lớn có rất nhiều túi phổi làm tăng bề mặt trao đổi khí của phổi.
Tiêu hoá	Miệng có răng cửa sắc và răng hàm kiểu nghiền, thiếu răng nanh, thực quản, dạ dày, ruột non, manh tràng phát triển, ruột già, gan, tụy.
Bài tiết	Có thận cấu tạo hoàn thiện, ống dẫn nước tiểu, bóng đái
Thần kinh	Bán cầu não trước và tiểu não phát triển ; các giác quan có mắt không tinh lắm, song thính giác, khứu giác, xúc giác đều phát triển.
Sinh sản	Con cái có buồng trứng, ống dẫn trứng, tử cung ; con đực có tinh hoàn, ống dẫn tinh và cơ quan giao phối.

**Bài 5. Nêu đặc điểm cấu tạo và tập tính thích nghi với đời sống của bộ Thú huyệt.**

■ **Lời giải :**

Bộ Thú huyệt đại diện là thú mỏ vịt vừa sống ở nước ngọt vừa ở cạn tại Châu Đại Dương chúng có các đặc điểm cấu tạo thích nghi với đời sống như : mỏ dẹp, lông rậm, mịn, không thấm nước, chân có móng bơi, con cái có tuyến sữa nhưng chưa có vú.

Thú mỏ vịt có tập tính thích nghi với đời sống như bơi ở môi trường nước ngọt và đi trên cạn. Đẻ trứng, con sơ sinh liếm sữa trên lông của thú mẹ hoặc uống nước hoà tan sữa mẹ.

**Bài 6. Nêu đặc điểm cấu tạo và tập tính thích nghi với đời sống của bộ Thú túi.**

■ **Lời giải :**

Bộ Thú túi đại diện là kanguru sống ở đồng cỏ Châu Đại Dương có các đặc điểm cấu tạo thích nghi với đời sống như : cao tới 2m để dễ phát hiện kẻ thù và

đồng loại, chi sau lớn, khoẻ để có thể chạy tốt, thoát hiểm ở đồng cỏ mêtô mông. Vú có tuyến sữa, con sơ sinh sống trong túi da ở bụng thú mẹ.

Thú túi có tập tính di chuyển bằng cách nhảy, có thể nhảy với vận tốc 40 – 50 km/h.

#### Bài 7. Trình bày đặc điểm cấu tạo của dơi thích nghi với đời sống bay.

##### ■ Lời giải :

Chúng có màng cánh rộng có tác dụng đẩy không khí, thân ngắn và hẹp nên có cách bay thoan thoắt, thay hướng đổi chiều linh hoạt. Chi sau do yếu nên có tư thế bám vào cành cây treo ngược cơ thể. Khi bắt đầu bay, chân rời vật bám và tự buông mình từ cao. Bộ xương nhẹ, xương mỏ ác có máu lươi hái dùng làm chỗ bám cho cơ vận động cánh.

#### Bài 8. Trình bày đặc điểm cấu tạo của cá voi thích nghi với đời sống ở nước.

##### ■ Lời giải :

Cá voi thích nghi với đời sống hoàn toàn trong nước, cơ thể hình thoi, cổ rất ngắn không phân biệt với thân, lông tiêu biến trừ phần đầu có lông, làm giảm sức cản của nước và giúp cơ thể rẽ nước dễ dàng. Lớp mỡ dưới da rất dày như một chiếc phao bơi vừa làm giảm trọng lượng cơ thể vừa giúp giữ thân nhiệt ổn định, chi trước biến đổi thành vây bơi có dạng bơi chèo, chi sau tiêu biến hẳn làm giảm sức cản của nước, vây đuôi nằm ngang, bơi bằng cách uốn mình theo chiều dọc. Phổi rất lớn và có nhiều phế nang giúp cơ thể lặn được lâu. Hàm không có răng, có nhiều tẩm sừng có tác dụng lọc thức ăn trong nước. Đôi tuyến vú nằm ở bên trong túi phia háng, hai bên khe sinh dục, do đó sữa không bị trộn lẫn với nước biển khi cho con bú.

#### Bài 9. Hãy lựa chọn và ghép các thông tin ở cột B sao cho phù hợp với các thông tin ở cột A

A. Bộ	B. Các đặc điểm
1. Ăn sâu bọ	a) Sống gặm nhấm, ăn nhiều loại thức ăn, phân bố rộng khắp nơi.
2. Gặm nhấm	b) Tâm sóc nhỏ ; bộ răng thiếu răng nanh, răng cửa lớn và sắc, răng hàm có mặt rộng với những nếp men ngang ; con non thường yếu.
3. Ăn thịt	

	<p>c) Sống đào bới, tìm mồi, ăn sâu bọ, phân bố khắp nơi.</p> <p>d) Tâm vóc nhỏ hoặc rất lớn ; răng cửa nhỏ, sắc răng nanh lớn, dài, nhọn răng hàm dẹt hai bên có nhiều màu sắc. Ngón chân có vuốt nhọn, cong, dưới ngón có đệm thịt dày.</p> <p>e) Ăn thịt, sống đơn độc hoặc thành đàn, phân bố rộng khắp nơi.</p> <p>g) Tâm vóc nhỏ, mõm kéo dài thành vòi ngắn. Răng nhọn, thị giác kém, khứu giác và xúc giác rất phát triển.</p>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

■ Lời giải :

1. c, g ; 2. a, b ; 3. d, e.

**Bài 10. Trình bày đặc điểm chung của Thú móng guốc. Phân biệt thú guốc chẵn và thú guốc lẻ.**

■ Lời giải :

- Đặc điểm chung của Thú móng guốc : tâm vóc thường to lớn, có số lượng ngón chân tiêu giảm, đốt cuối của mỗi ngón có sừng bao bọc gọi là guốc. Chân cao nên di chuyển nhanh, trực ống chân, cổ chân, bàn và ngón chân gần như thẳng hàng, chỉ những đốt cuối của ngón chân có guốc mới chạm đất nên diện tích tiếp xúc với đất hẹp.

Thú móng guốc gồm 3 bộ :

- + Bộ Guốc chẵn, đại diện : lợn, bò, hươu.
- + Bộ Guốc lẻ, đại diện : tê giác, ngựa.
- + Bộ Voi, đại diện : voi.
- Phân biệt thú guốc chẵn và thú guốc lẻ.

Thú guốc chẵn	Thú guốc lẻ
Tâm vóc thường to lớn, chân cao, có số ngón chân chẵn, có 2 ngón chân giữa phát triển bằng nhau. Đầu mỗi ngón có hộp sừng bảo vệ gọi là guốc. Sống đơn độc hoặc theo đàn. Đa số ăn thực vật, một số ăn tạp và nhiều loài nhai lại.	Tâm vóc to lớn, số ngón chân lẻ, có một ngón chân giữa phát triển hơn. Ăn thực vật, không nhai lại. Sống từng đàn hoặc đơn độc, có sừng (tê giác) hoặc không có sừng (ngựa).

### **Bài 11. Trình bày đặc điểm chung của bộ Linh trưởng**

#### **■ Lời giải :**

Tâm vóc trung bình hoặc to. Đi chủ yếu bằng hai chân tuy hai tay còn chạm đất. Chi phát triển, thích nghi với cầm nắm, leo trèo. Thường sống thành nhóm hay theo đàn. Ăn tạp, song chủ yếu là thực vật.

### **Bài 12. Nêu đặc điểm chung của lớp Thú.**

#### **■ Lời giải :**

Cơ thể bao phủ bởi lớp lông mao. Bộ răng phân hoá thành răng cửa, răng nanh, răng hàm. Tim 4 ngăn, nửa phải tim chứa máu đỏ thẫm, nửa trái tim chứa máu đỏ tươi, 2 vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi. Bộ não phát triển thể hiện rõ bán cầu não và tiểu não phát triển. Có hiện tượng thai sinh và nuôi con bằng sữa mẹ, là động vật hằng nhiệt.

### **Bài 13. Tại sao nói thú phát triển đa dạng và thích nghi với nhiều môi trường sống khác nhau ?**

#### **■ Lời giải :**

Thú là những động vật xuất hiện sau cùng trên Trái Đất có cấu tạo phức tạp với phương thức sinh sản và trao đổi chất hoàn thiện như : thụ tinh trong, sinh con và nuôi con bằng sữa mẹ. Hệ hô hấp và hệ tuần hoàn hoàn chỉnh. Là động vật hằng nhiệt nên thân nhiệt duy trì ổn định trước môi trường. Hệ thần kinh phát triển nên các phản ứng rất nhanh và độ chính xác cao, khả năng định hướng tốt. Chính vì vậy, thú có khả di chuyển, phát tán và thích nghi được với nhiều môi trường sống khác nhau và có số lượng loài rất lớn, hiện có khoảng 4600 loài với 26 bộ.

### **Bài 14. Nêu vai trò của lớp Thú đối với tự nhiên và đối với con người.**

#### **■ Lời giải :**

- Thú là đối tượng cung cấp nguồn dược liệu quý như : sừng, nhung (sừng non) của hươu nai, xương (hổ, gấu, hươu nai,...), mật gấu ; những nguyên liệu để làm đồ mỹ nghệ có giá trị : da, lông (hổ, báo), ngà voi, sừng (tê giác, trâu bò...), xạ hương (tuyến xạ hươu, chuột lang, khỉ...).
- Tất cả các loài gia súc (trâu, bò, lợn...) đều là nguồn thực phẩm.

- Một số có vai trò trong sản xuất nông nghiệp như : chồn, mèo rừng tiêu diệt gặm nhấm phá hoại mùa màng hoặc côn trùng có hại, một số là nguồn sức kéo quan trọng.
- Cung cấp nguyên liệu dùng trong sản phẩm mĩ nghệ và nước hoa như xạ cây hương, da lông của báo, chồn, sóc, rái cá...
- Một số loài thú dùng trong nghiên cứu khoa học như : chuột nhắt, chuột lang, thỏ, khỉ...
- Trong tự nhiên thú là một mắt xích đa dạng và đảm bảo sự cân bằng hệ sinh thái.

## B – BÀI TẬP TỰ GIẢI

### I – BÀI TẬP

#### 1. Bài tập tự luận

**Bài 1.** Tại sao nói sự sinh sản của thỏ tiến bộ hơn thằn lằn ?

**Bài 2.** Hãy điền các thông tin phù hợp vào các ô trống trong bảng sau về so sánh đời sống cấu tạo ngoài của chim với thỏ

Tiêu chí	Chim	Thỏ
Khác nhau	Đời sống	
	Bộ lông	
	Da	
	Miệng	
	Mắt	
	Tai	
	Chi trước	
	Chi sau	
	Đặc điểm sinh sản	
Giống nhau		

**Bài 3.** Hãy lựa chọn và ghép các thông tin ở cột B sao cho phù hợp với các thông tin ở cột A

A. Tên động vật	B. Các đặc điểm cấu tạo và tập tính
1. Dơi	a) Không có răng, lọc mồi qua khe của tấm sừng miệng.
2. Cá voi	b) Thức ăn là sâu bọ, rau quả. c) Đuôi là vây đuôi. d) Chi sau nhỏ, yếu. e) Chi trước biến thành vây bơi. g) Đuôi ngắn. h) Chi sau tiêu biến. i) Chi trước biến thành cánh da có màng cánh rộng. k) Di chuyển bằng cách uốn mình theo chiều dọc. l) Răng nhọn sắc, phá vỏ cứng của sâu bọ. m) Thức ăn là tôm cá, động vật nhỏ. p) Di chuyển bằng cách bay và đường bay không rõ rệt.

**Bài 4.** Hãy chọn các từ hoặc cụm từ thích hợp (*chiếm đa số, sống không khí, các vây, sống trên cạn*) để điền vào chỗ trống trong các câu sau :

Lớp Thú có 3 dạng chính do thích nghi với môi trường sống : Dạng có đầu, mình, cổ và đuôi phân biệt rõ ràng : Dạng này ..... các loài trong lớp Thú, các loài này chủ yếu là....., ví dụ : mèo, thỏ, trâu, bò... Dạng có cánh : Dạng này thích nghi với môi trường....., có khả năng bay lượn. Giữa các ngón của chi có lớp da như cánh của các loài chim, ví dụ : dơi,... Hoặc màng da nối chi trước với cổ, chi sau, ví dụ : chồn bay... Dạng thích nghi bơi lội : Cơ thể có các chi biến đổi thành..... Lớp da thì trở nên trơn, bóng hơn, ví dụ : cá voi, bò nước...

**Bài 5.** Hãy xác định những câu dẫn dưới đây là đúng hay sai rồi ghi vào ô trống (Đ : đúng ; S : sai )

STT	Câu dẫn	Đ/S
1	Thú ăn thịt thỏ hoang di chuyển nhanh hơn nhưng không dai sức bằng thỏ hoang.	
2	Trong hệ tiêu hoá, manh tràng của thỏ rất lớn, là nơi tiêu hoá chủ yếu thức ăn xenlulôzơ nhờ sự có mặt của hệ vi sinh vật phong phú.	

3	Thú mỏ vịt có bộ lông mao rậm, mịn và ngắn, có tập tính đào hang để ở. Chân có màng bơi, mỏ vịt, đẻ trứng.	
4	Lớp Thú gồm những động vật hoàn toàn thích nghi với đời sống ở cạn.	
5	Bộ Ăn sâu bọ các răng đều nhọn, sống trên mặt đất hoặc đào hang trong đất.	
6	Cấu tạo chân của thú Linh trưởng hoàn toàn thích nghi với sự cầm nắm và leo trèo.	
7	Cánh dơi không có lông vũ, bộ phận đẩy không khí là một màng da mềm, rộng, nối liền cánh tay, ống tay, bàn tay và các ngón tay với mình chi sau và đuôi.	
8	Chân mèo có vuốt và đệm thịt rất dày nên mèo đi rất nhẹ và không bị cùn.	
9	Họ Chó thường kiếm ăn về ban ngày, phát hiện mồi nhờ khứu giác (đánh hơi), săn mồi bằng cách rượt đuổi.	
10	Thỏ có cơ hoành tham gia vào hô hấp, phổi có nhiều túi phổi làm tăng diện tích trao đổi khí.	

## 2. Bài tập trắc nghiệm

Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau :

1. Đời sống của thỏ có các đặc điểm là
  - A. có tập tính sống ẩn náu trong hang, bụi rậm để lẩn trốn kẻ thù.
  - B. kiếm ăn chủ yếu về buổi chiều hay ban đêm, ăn cỏ, lá bằng cách gặm nhấm (gặm từng mảnh nhỏ).
  - C. là động vật hằng nhiệt.
  - D. cả A, B và C.
2. Sinh sản của thỏ có đặc điểm
  - A. có cơ quan giao phối, thụ tinh trong.
  - B. có hiện tượng thai sinh.
  - C. thỏ con mới đẻ yếu, chưa mở mắt, được bú sữa mẹ.
  - D. cả A, B và C.

- 3. Bộ lông của thỏ là**
- A. lông mao dày, xốp, có tác dụng giữ nhiệt và giúp thỏ an toàn khi lẩn trốn trong bụi rậm.
  - B. lông vũ dày, mượt, có tác dụng giúp thỏ an toàn khi lẩn trốn trong bụi rậm.
  - C. lông mao dày, xốp, có tác dụng che chở cho con non khi mới đẻ.
  - D. lông vũ dày, xốp, có tác dụng giữ nhiệt.
- 4. Thỏ có**
- A. mũi và tai không thính.
  - B. mũi và tai rất thính.
  - C. tai rất thính nhưng khứu giác kém.
  - D. mũi rất thính nhưng tai kém thính nên vành tai phải to để hứng âm thanh.
- 5. Bộ Gặm nhấm răng lớn nhất là**
- A. răng nanh.
  - B. răng hàm.
  - C. răng cửa.
  - D. răng hàm và răng cửa.
- 6. Xương cột sống của thỏ có đoạn**
- A. cổ, ngực, thắt lưng, chậu và đuôi.
  - B. cổ, ngực, thắt lưng, đuôi.
  - C. cổ, ngực, chậu và đuôi.
  - D. cổ, ngực, đuôi.
- 7. Đặc điểm di chuyển của kanguru là**
- A. di chuyển bằng 4 chi.
  - B. dùng 2 chi sau để nhảy.
  - C. chuyên cành bằng 2 chi sau.
  - D. chuyên cành bằng 2 chi trước.
- 8. Thú túi có đại diện là**
- A. dơi.
  - B. thú mỏ vịt.
  - C. kanguru.
  - D. chuột chũi.
- 9. Bộ răng của thỏ thích nghi với sự gặm nhấm là**
- A. răng cửa rất lớn, sắc, chìa ra ngoài.
  - B. giữa răng cửa và răng hàm có khoảng trống, răng thường xuyên mọc dài.
  - C. răng hàm có bề mặt rộng, mặt răng có lớp men ngang, thấp.
  - D. cả A, B và C.
- 10. Chi của kanguru thể hiện sự thích nghi với đời sống ở đồng cỏ là**
- A. hai chi trước rất yếu.
  - B. hai chi sau rất phát triển và di chuyển theo lối nhảy.

- C. di chuyển theo lối nhảy và phối hợp cả 4 chi.
- D. hai chi trước rất yếu và di chuyển theo lối nhảy.

**11.** Trong hệ tiêu hoá của thỏ, đặc điểm **không** có trong hệ tiêu hoá ở động vật ăn thịt là

- A. có đủ các loại răng.
- B. manh tràng rất phát triển.
- C. dạ dày rất phát triển.
- D. ruột già.

**12.** Cánh da của bộ Dơi có đặc điểm là một màng da rộng

- A. có phủ lớp lông mao dày.
- B. trơn nhẵn.
- C. có phủ lớp lông mao thưa.
- D. có tiết chất dính để bắt muỗi.

**13.** Bộ Cá voi có đặc điểm lông thích nghi với đời sống ở nước như

- A. lông tiêu biến hoàn toàn.
- B. có lông mao rất ngắn và thưa.
- C. lông gần như tiêu biến hoàn toàn, trừ chút ít ở phần đầu.
- D. phần vây lông tiêu biến, chỉ có ở phần thân rất thưa.

**14.** Bộ Ăn sâu bọ có đặc điểm răng thích nghi với ăn sâu bọ là

- A. có đầy đủ các loại răng cửa, răng hàm, răng nanh.
- B. răng cửa rất phát triển và răng hàm có diện tích lớn.
- C. răng cửa bản to và răng nanh rất nhọn.
- D. gồm toàn răng nhọn, hàm cũng có 3, 4 mấu lồi.

**15.** Bộ Ăn thịt có đặc điểm răng thích nghi với chế độ ăn thịt là

- A. có đầy đủ các loại răng cửa, răng hàm, răng nanh.
- B. răng cửa rất phát triển và răng hàm có diện tích lớn.
- C. răng cửa ngắn, sắc, răng nanh lớn dài nhọn, răng hàm có nhiều mấu dẹp sắc.
- D. răng cửa ngắn, sắc, răng nanh nhỏ dài nhọn, răng hàm có diện tích rộng.

**16.** Đặc điểm đặc trưng của bộ Móng guốc là

- A. số ngón tiêu giảm, đốt cuối của mỗi ngón có sừng bao bọc gọi là guốc.
- B. chân rất cao.
- C. đều có sừng.
- D. luôn sống thành bầy đàn.

## II – HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI VÀ ĐÁP ÁN

### 1. Bài tập tự luận

**Bài 1.** Thỏ đẻ con tiến bộ hơn đẻ trứng ở thằn lằn vì :

- Sự phát triển phôi trong cơ thể mẹ bằng chất dinh dưỡng của cơ thể mẹ nên ổn định, an toàn, có đầy đủ chất dinh dưỡng và điều kiện phát triển hơn, không phụ thuộc nhiệt độ môi trường và lượng chất dinh dưỡng của noãn hoàng ở trong trứng.
- Con non được nuôi bằng sữa mẹ không phụ thuộc vào khả năng bắt mồi và mồi trong tự nhiên như các loài khác, nên tỉ lệ sống sót cao hơn.

**Bài 2.**

Tiêu chí		Chim	Thỏ
Khác nhau	Đời sống	Bay lượn	Đào hang ăn nấp
	Bộ lông	Lông vũ dày xốp	Lông mao
	Da	Không có tuyến mồ hôi, tuyến nhờn	Có tuyến mồ hôi, tuyến nhờn
	Miệng	Có mỏ sừng, không có răng	Không có mỏ sừng, có răng
	Mắt	Mí mắt thứ 3 phát triển	Mí mắt thứ 3 không phát triển
	Tai	Không có vành tai	Có vành tai
	Chi trước	Phát triển biến đổi thành cánh	Ngắn
	Chi sau	Có lớp vảy sừng bao bọc	Không có lớp vảy sừng bao bọc
	Đặc điểm sinh sản	Không có tuyến vú, đẻ trứng và ấp trứng	Có tuyến vú, đẻ con và nuôi con bằng sữa
Giống nhau	Đều là động vật恒温 (hằng nhiệt) ; cơ thể có lông che phủ ; các ngón chân của thỏ và chân sau của chim có móng vuốt ; thích nghi hoàn toàn với đời sống ở cạn		

**Bài 3.** 1. b, d, g, i, l, p.

2. a, c, e, h, k, m.

**Bài 4.** Lớp Thú có 3 dạng chính do thích nghi với môi trường sống : Dạng có đầu, mình, cổ và đuôi phân biệt rõ ràng : Dạng này **chiếm đa số** các loài trong

lớp Thú, các loài này chủ yếu là **sống trên cạn**, ví dụ : mèo, thỏ, trâu, bò... Dạng có cánh : Dạng này thích nghi với môi trường **sống không khí**, có khả năng bay lượn. Giữa các ngón của chi có lớp da như cánh của các loài chim, ví dụ : dơi,... Hoặc màng da nối chi trước với cổ, chi sau, ví dụ : chồn bay. Dạng thích nghi bơi lội : Cơ thể có các chi biến đổi thành **các vây**. Lớp da thì trở nên trơn, bóng hơn, ví dụ : cá voi, bò nước...

### Bài 5.

STT	Câu đắn	Đ/S
1	Thú ăn thịt thỏ hoang di chuyển nhanh hơn nhưng không dai sức bằng thỏ hoang.	S
2	Trong hệ tiêu hoá, manh tràng của thỏ rất lớn, là nơi tiêu hoá chủ yếu thức ăn xenlulôzơ nhờ sự có mặt của hệ vi sinh vật phong phú.	Đ
3	Thú mỏ vịt có bộ lông mao rậm, mịn và ngắn, có tập tính đào hang để ở. Chân có màng bơi, mỏ vịt, đẻ trứng.	Đ
4	Lớp Thú gồm những động vật hoàn toàn thích nghi với đời sống ở cạn.	S
5	Bộ ăn sâu bọ các răng đều nhọn, sống trên mặt đất hoặc đào hang trong đất.	Đ
6	Cấu tạo chân của thú Linh trưởng hoàn toàn thích nghi với sự cầm nắm và leo trèo.	Đ
7	Cánh dơi không có lông vũ, bộ phận đẩy không khí là một màn da mềm, rộng, nối liền cánh tay, ống tay, bàn tay và các ngón tay với mình, chi sau và đuôi.	Đ
8	Chân mèo có vuốt và đệm thịt rất dày nên mèo đi rất nhẹ và không bị cùn.	S
9	Họ Chó thường kiếm ăn về ban ngày, phát hiện mối nhờ khứu giác (đánh hơi), săn mồi bằng cách rượt đuổi.	Đ
10	Thỏ có cơ hoành tham gia vào hô hấp, phổi có nhiều túi phổi làm tăng diện tích trao đổi khí.	Đ

### 2. Bài tập trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
D	D	A	B	C	A	B	C	D	B	B	C	C	D	C	A